



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya  
(Việt Nam)**

**Báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng  
kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012**

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy phép Đầu tư số</b>	414/GP 414/GPĐC 414/GPĐC1 414/GPĐC2 414/GPĐC3 414/GPĐC4 414/CPH/GP 414/CPH/GCNDĐC1-BKH Do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	ngày 7 tháng 9 năm 1992 ngày 14 tháng 2 năm 1995 ngày 31 tháng 10 năm 1995 ngày 9 tháng 1 năm 1996 ngày 30 tháng 7 năm 1997 ngày 19 tháng 9 năm 1997 ngày 7 tháng 10 năm 2005 ngày 25 tháng 10 năm 2006
	414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN 414/GPĐC2-BKH-KCN-ĐN 414/GPĐC3-BKH-KCN-ĐN 414/GCNDĐC2/47/2 472033000584 472033000584 472033000584 472033000584 Do Ban Quản lý Khu Công nghiệp tỉnh Đồng Nai cấp	ngày 16 tháng 5 năm 2003 ngày 23 tháng 6 năm 2003 ngày 7 tháng 5 năm 2004 ngày 6 tháng 9 năm 2007 ngày 11 tháng 7 năm 2008 ngày 18 tháng 12 năm 2008 ngày 30 tháng 8 năm 2010 ngày 29 tháng 11 năm 2011
	Giấy phép Đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.	
<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Shen Shang Pang Ông Shen Shang Tao Ông Shen Shang Hung Ông Shen San Yi Ông Wang Ting Shu	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên
<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Wang Ting Shu Ông Chiu Chin Teng  Ông Chen Chung Kuang	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 29 tháng 2 năm 2012) Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 3 năm 2012)
<b>Trụ sở đăng ký</b>		
<b>Trụ sở chính</b>	Khu Công nghiệp Biên Hòa II Tỉnh Đồng Nai Việt Nam	
<b>Chi nhánh</b>	Xã Cẩm Diên Huyện Cẩm Giang Tỉnh Hải Dương Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính trình bày từ trang 4 đến trang 34 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty tin rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.



Ông Vương Đình Sơn  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2012



**KPMG Limited**  
 10<sup>th</sup> Floor, Sun Vico Tower  
 116 Nguyen Hue Street  
 District 1, Ho Chi Minh City  
 The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (0) 3821 8268  
 Fax +84 (0) 3821 8267  
 Internet www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
 Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**

### **Phạm vi kiểm toán**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, như được trình bày từ trang 4 đến 34, được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2012. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Công ty TNHH KPMG**  
 Việt Nam  
 Giấy Chứng nhận Điều tư số: 011043000345  
 Báo cáo kiểm toán: 12-01-260/2



**Nguyễn Thanh Nghị**  
 Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV  
 Phó Tổng Giám đốc

**Chang Hưng Quân**  
 Chứng chỉ kiểm toán viên số N0863/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2012

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012**

**Mẫu B 01a - DN**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2012 VND</b>	<b>31/12/2011 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>439.441.591.000</b>	<b>503.417.219.133</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	97.060.277.799	125.050.507.299
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		150.138.410.173	165.327.908.022
Phải thu khách hàng	131		150.929.716.840	165.461.517.756
Trả trước cho người bán	132		355.811.656	465.321.753
Các khoản phải thu khác	135		262.788.137	299.938.433
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.409.906.460)	(898.869.920)
Hàng tồn kho	140	5	182.133.058.493	204.903.496.242
Hàng tồn kho	141		184.227.468.591	206.851.281.428
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.094.410.098)	(1.947.785.186)
Tài sản ngắn hạn khác	150		10.109.844.535	8.135.307.570
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.649.144.978	895.153.894
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.702.984.770	6.987.838.176
Thuế thu nhập doanh nghiệp trả trước	154		1.598.632.287	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		159.082.500	252.315.500
<b>Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>156.196.685.042</b>	<b>167.952.582.257</b>
Tài sản cố định	220		151.717.232.919	163.083.409.751
Tài sản cố định hữu hình	221	6	151.669.796.839	158.481.797.349
Nguyên giá	222		436.801.649.509	431.762.746.429
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(285.131.852.670)	(273.280.949.080)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	7	47.436.080	4.601.612.402
Tài sản dài hạn khác	260		4.479.452.123	4.869.172.506
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	2.826.009.173	3.043.343.979
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	9	1.653.442.950	1.825.828.527
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>595.638.276.042</b>	<b>671.369.801.390</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của bản cáo tài chính này*

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a - DN

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>331.095.306.867</b>	<b>428.019.235.734</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>330.849.723.994</b>	<b>427.751.446.861</b>
Vay ngắn hạn	311	10	197.535.724.269	312.152.126.303
Phải trả người bán	312	11	116.246.418.432	90.196.727.226
Người mua trả tiền trước	313		9.104.328.772	13.068.225.554
Thuế phải nộp Nhà nước	314	12	3.186.404.619	4.698.421.775
Phải trả người lao động	315		3.588.400.300	5.914.946.314
Chi phí phải trả	316		996.713.857	1.652.461.368
Các khoản phải trả khác	319		191.733.745	68.538.321
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>245.582.873</b>	<b>267.788.873</b>
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	13	245.582.873	267.788.873
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>264.542.969.175</b>	<b>243.350.565.656</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>264.542.969.175</b>	<b>243.350.565.656</b>
Vốn cổ phần	411	14	279.013.770.637	279.013.770.637
Cổ phiếu quỹ	412	14	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ và dự trữ	417	15	21.553.609.319	21.553.609.319
Lỗi lũy kế	420		(35.751.570.781)	(56.943.974.300)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>595.638.276.042</b>	<b>671.369.801.390</b>

Người lập:



Hung Chung Ming  
Kế toán trưởng



Người duyệt:  
Wang Hong Shu  
Tổng Giám đốc

ngày 14 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này


**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30**  
**tháng 6 năm 2012**

Mẫu B 02a - DN

**BÁO CÁO LÃI LỖ**

	Mã số	Thuyết minh	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Tổng doanh thu	01	16	450.803.720.330	736.394.376.954
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(773.158.186)	(893.172.360)
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 + 02)</b>	10		<b>450.030.562.144</b>	<b>735.501.204.594</b>
Giá vốn hàng bán	11		(404.659.028.642)	(643.400.312.605)
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 + 11)</b>	20		<b>45.371.533.502</b>	<b>92.100.891.989</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	3.689.034.854	11.029.835.386
Chi phí tài chính	22	18	(6.896.429.775)	(63.442.569.447)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			<i>(5.628.020.586)</i>	<i>(7.962.870.338)</i>
Chi phí bán hàng	24		(9.182.983.748)	(9.278.942.443)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(14.136.026.097)	(13.007.287.414)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 + 22 + 24 + 25)</b>	30		<b>18.845.128.736</b>	<b>17.401.928.071</b>
Thu nhập khác	31		2.532.303.373	3.915.702.816
Chi phí khác	32		(12.643.013)	(16.277.087)
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 + 32)</b>	40		<b>2.519.660.360</b>	<b>3.899.425.729</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	50		<b>21.364.789.096</b>	<b>21.301.353.800</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	19	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	19	(172.385.577)	(562.167.771)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	60		<b>21.192.403.519</b>	<b>20.739.186.029</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	70	20	<b>760</b>	<b>744</b>

Người lập:

  
 Hung Chung Ming  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



ngày 14 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho giai đoạn sáu tháng kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2012**

Mẫu B 09a - DN

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ và dự trữ VND	Lỗi lũy kế VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011</b>	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	(87.515.004.417)	212.779.535.539
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	20.739.186.029	20.739.186.029
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 7 năm 2011</b>	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	(66.775.818.388)	233.518.721.568
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	9.831.844.088	9.831.844.088
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012</b>	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	(56.943.974.300)	243.350.565.656
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	21.192.403.519	21.192.403.519
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2012</b>	279.013.770.637	(272.840.000)	21.553.609.319	(35.751.570.781)	261.542.969.175

Người lập:



Hong Chung Ming  
 Kế toán trưởng



Wang Ting Shu  
 Tổng Giám đốc

ngày 14 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012  
(phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a - DN

	Mã số	Thuyết minh	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01		21.364.789.096	21.301.353.800
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		12.079.556.578	13.544.456.676
Các khoản dự phòng	03		657.661.452	(2.041.289.666)
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	10.383.723.470
(Lãi) lỗ thanh lý tài sản cố định	05		68.048.628	(49.712.000)
Thu nhập lãi tiền gửi	05		(3.688.331.122)	(7.461.961.028)
Chi phí lãi vay	06		5.628.020.586	7.962.870.338
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>36.109.745.218</b>	<b>43.639.441.590</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		12.686.257.781	4.040.394.068
Biến động hàng tồn kho	10		22.623.812.837	(47.596.863.907)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		20.627.710.879	3.927.803.037
			<b>92.047.526.715</b>	<b>4.010.774.788</b>
Tiền lãi vay đã trả	13		(5.955.795.820)	(8.249.360.671)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(2.607.462.478)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>83.484.268.417</b>	<b>(4.238.585.883)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(566.820.811)	(6.887.782.304)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		2.727.273	49.712.000
Tiền thu từ kỳ quỹ ngắn hạn	25		-	2.000.000.000
Thu lãi tiền gửi	27		3.705.997.685	7.461.961.028
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>3.141.904.117</b>	<b>2.623.890.724</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này*

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012  
(phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03a - DN

Mã số	Thuyết minh	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
----------	----------------	----------------------------------	----------------------------------

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	206.182.160.630	221.925.476.219
Trả khoản vay	34	(320.798.362.664)	(322.544.625.823)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(114.616.402.034)</b>	<b>(100.619.149.604)</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 - 30 + 40)	50	(27.990.229.500)	(102.233.844.763)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	125.050.507.299	188.699.721.924
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	4 97.060.277.799	86.465.877.161

Người lập:



Hung Chung Ming  
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Wang Ting Shu  
Tổng Giám đốc

ngày 14 tháng 8 năm 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012**

**Mẫu B 09a – DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam. Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập chi nhánh, bắt đầu hoạt động vào tháng 1 năm 2005, tại Xã Cẩm Diên, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-ĐN do Ban Quản lý Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty có 411 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 432 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo Tài chính giữa niên độ, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính giữa niên độ. Các báo cáo tài chính cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

### 3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

#### (a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

#### (b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### (c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### (d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(e) **Tài sản cố định hữu hình**

(i) **Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ Nhà xưởng và cấu trúc	7 - 35 năm
▪ Máy móc và thiết bị	5 - 10 năm
▪ Phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ Thiết bị văn phòng	5 - 8 năm
▪ Tài sản khác	2 - 7 năm

(f) **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt.

(g) **Chi phí trả trước dài hạn**

(i) **Phí hội viên câu lạc bộ golf**

Phí hội viên câu lạc bộ golf được hạch toán theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 37 năm đến 40 năm.

(ii) **Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ sử dụng trên một năm được ghi nhận như trả trước dài hạn và được phân bổ trong thời gian từ một đến ba năm.

**(h) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(i) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(j) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích cung cấp các thông tin thuyết minh về mức trọng yếu của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

**(ii) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

## Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

### (k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

### (l) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

### (m) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản dù điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

### (n) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**(o) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Dạng báo cáo bộ phận chủ yếu của Công ty là dựa vào bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Theo ý kiến Ban giám đốc, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là bán cáp điện và bộ phận địa lý duy nhất là Việt Nam.

**(p) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

**(q) Các công ty liên quan**

Công ty liên quan gồm công ty mẹ và các công ty con, công ty liên kết của công ty mẹ.

**4. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền mặt	612.145.700	1.341.682.800
Tiền gửi ngân hàng	15.719.323.711	55.380.016.311
Các khoản tương đương tiền	80.728.808.388	68.328.808.388
	<hr/> 97.060.277.799	<hr/> 125.050.507.299

Trong tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 có số ngoại tệ tương đương 1.079 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 2.996 triệu VND).



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - DN

**5. Hàng tồn kho**

	<b>30/6/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	42.242.339.443	45.559.274.464
Nguyên vật liệu	26.446.918.329	38.823.258.908
Sản phẩm dở dang	16.431.442.443	50.847.636.875
Thành phẩm	99.106.768.376	71.621.111.181
	<u>184.227.468.591</u>	<u>206.851.281.428</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.094.410.098)	(1.947.785.186)
	<u>182.133.058.493</u>	<u>204.903.496.242</u>

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<b>Từ 1/1/2012</b> <b>đến 30/6/2012</b> <b>VND</b>	<b>Từ 1/1/2011</b> <b>đến 30/6/2011</b> <b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	1.947.785.186	4.744.419.945
Tăng dự phòng trong kỳ	913.105.372	331.474.104
Hoàn nhập	(766.480.460)	(2.372.763.770)
Số dư cuối kỳ	<u>2.094.410.098</u>	<u>2.703.130.279</u>

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**6. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà xưởng và cấu trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	144.735.473.608	267.359.815.944	8.648.236.619	3.268.425.484	7.750.794.774	431.762.746.429
Tăng trong kỳ	-	173.319.125	23.818.182	101.348.364	-	298.485.671
Kết chuyển từ xây dựng cơ bản đã đang	-	4.751.735.591	-	-	-	4.751.735.591
Thanh lý	-	-	(11.318.182)	-	-	(11.318.182)
Số dư cuối kỳ	144.735.473.608	272.284.870.660	8.660.736.619	3.369.773.848	7.750.794.774	436.801.649.509
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	62.464.988.345	193.075.773.588	8.340.329.693	2.598.350.727	6.801.506.727	273.280.949.080
Khấu hao trong kỳ	2.735.123.041	8.506.612.165	51.414.323	163.241.633	405.830.610	11.862.221.772
Thanh lý	-	-	(11.318.182)	-	-	(11.318.182)
Số dư cuối kỳ	65.200.111.386	201.582.385.753	8.380.425.834	2.761.592.360	7.207.337.337	285.131.852.670
<b>Giá trị ghi sổ</b>						
Số dư đầu kỳ	82.270.485.263	74.284.042.556	307.906.926	670.074.757	949.288.047	158.481.797.349
Số dư cuối kỳ	79.535.362.222	70.702.484.907	280.310.785	608.181.488	543.457.437	151.669.796.839

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 153.603 triệu VND) (31/12/2011: 142.963 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a - DN

**7. Xây dựng cơ bản dở dang**

	1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Số dư đầu kỳ	4.601.612.402	35.286.700
Tăng trong kỳ	268.335.170	4.304.679.506
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.751.735.591)	(4.031.104.136)
Xóa sổ	(70.775.901)	-
Số dư cuối kỳ	47.436.080	308.862.070

**8. Chi phí trả trước dài hạn**

	Phí hội viên câu lạc bộ golf VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	1.766.000.731	1.277.343.248	3.043.343.979
Phân bổ trong kỳ	(28.560.659)	(188.774.147)	(217.334.806)
Số dư cuối kỳ	1.737.440.072	1.088.569.101	2.826.009.173

**9. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

*(i) Tài sản thuế hoãn lại được ghi nhận*

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản cố định	269.549.900	248.815.292
Dự phòng	469.861.007	426.998.366
Giá trị của lỗ tính thuế mang sang được ghi nhận	731.742.825	731.742.825
Khác	182.289.218	418.272.144
	1.653.442.950	1.825.828.527

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm**  
**2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

**(ii) Tài sản thuế hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	30/6/2012		31/12/2011	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-	45.028.447	6.754.267
Lỗ tính thuế	44.538.143.424	7.603.147.192	68.912.633.436	11.621.216.829
	44.538.143.424	7.603.147.192	68.987.661.883	11.627.971.096

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ VND
2013	Chưa quyết toán	50.572.376
2014	Chưa quyết toán	44.487.571.048
		44.538.143.424

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm**  
**2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

**10. Vay ngắn hạn**

			<b>30/6/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Vay ngắn hạn			197.535.724.269	312.152.126.303
	<b>Khoản tín dụng</b>	<b>Lãi suất vay trên một năm</b>	<b>30/6/2012</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2011</b> <b>VND</b>
Ngân hàng Taipei Fubon Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	2.000.000 USD	SIBOR+1,15%	13.703.684.292	26.557.719.066
Ngân hàng Thương mại Chinatrust, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	5.000.000 USD	SIBOR 6 tháng -1,15%	32.082.078.843	58.234.967.198
Mega International Commercial Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	4.500.000 USD	SIBOR 6 tháng +1%	65.583.926.953	65.356.715.646
Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Đồng Nai (c)	1.500.000 USD	4,5%	6.248.400.000	16.990.426.212
Ngân hàng First Commercial Bank, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	5.800.000 USD	Lãi suất huy động 1 tháng -1,2%	24.855.417.050	69.224.138.668
Ngân hàng Thương mại Hoa Nam, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	4.500.000 USD	Lãi suất huy động 6 tháng +0,55%	37.358.417.131	45.162.085.129
Ngân hàng Thương Hải – Hồng Kông (b)	2.000.000 USD	4,4%	17.703.800.000	30.626.074.384
<b>Tổng vay ngắn hạn</b>			<b>197.535.724.269</b>	<b>312.152.126.303</b>

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

- a. Khoản vay thể hiện 3 khoản tín dụng, mỗi khoản 2.000.000 USD. Khoản tín dụng này được đảm bảo bởi ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.
- b. Các khoản vay này được đảm bảo bởi Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.
- c. Khoản vay từ Ngân hàng Indovina, Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh không được đảm bảo.

**11. Phải trả người bán**

Trong phải trả người bán có các khoản phải trả bên liên quan như sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải trả cho Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd (công ty mẹ)	107.483.330.377	76.820.796.564

Khoản phải trả cho Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd không được bảo đảm, không chịu lãi và phải trả theo yêu cầu.

**12. Thuế phải nộp Nhà nước**

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.954.151.279	42.430.188
Thuế thu nhập cá nhân	216.592.767	574.760.410
Thuế nhập khẩu	15.660.573	13.381.926
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.008.830.191
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	3.059.019.060
	<u>3.186.404.619</u>	<u>4.698.421.775</u>

### 13. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	VND
Số dư đầu kỳ	267.788.873
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(22.206.000)
Số dư cuối kỳ	245.582.873

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty đã đóng 85 triệu VND (sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011: 71 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

**14. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2012		31/12/2011	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	27.901.377	279.013.770.637	27.901.377	279.013.770.637
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	27.901.377	279.013.770.637	27.901.377	279.013.770.637
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
<b>Cổ phiếu hiện đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	27.892.014	278.740.930.637	27.892.014	278.740.930.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

**15. Quỹ và dự trữ**

Quỹ và dự trữ được trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.



Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

## 16. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

## 17. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lãi tiền gửi	3.688.331.122	7.461.961.028
Lãi chênh lệch tỷ giá	703.732	3.567.874.358
	<hr/>	<hr/>
	3.689.034.854	11.029.835.386

## 18. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Chi phí lãi vay	5.628.020.586	7.962.870.338
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.268.409.189	55.479.699.109
	<hr/>	<hr/>
	6.896.429.775	63.442.569.447

Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a - DN

## 19. Thuế thu nhập

### (a) Ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	172.385.577	562.167.771
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	172.385.577	562.167.771

### (b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lợi nhuận (trước thuế)	21.364.789.096	21.301.353.800
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	3.204.718.364	2.388.248.420
Chi phí không được khấu trừ thuế	578.195.015	563.249.731
Biến động chênh lệch tạm thời được khấu trừ không được ghi nhận	56.899.967	-
Ảnh hưởng của thuế suất khác	357.396.135	-
Lỗi tính thuế đã sử dụng	(4.024.823.904)	(2.389.330.380)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	172.385.577	562.167.771

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

**(c) Thuế suất áp dụng**

Trụ sở chính của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên thu nhập tính thuế.

Chi nhánh của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên thu nhập tính thuế cho mỗi kỳ trong 12 năm tính từ ngày thành lập và 25% cho các năm tiếp theo. Công ty cũng được giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận (2006) và được giảm 50% cho 4 năm tiếp theo.

Công ty có thể chuyển lỗ tính thuế phát sinh trong năm và bù lỗ cho lãi phát sinh trong những năm tiếp theo cho giai đoạn tối đa là 5 năm.

Việc xác định mức thuế phải trả còn phụ thuộc vào cách diễn giải quy định thuế hiện hành. Tuy nhiên các quy định này cũng có thể bị thay đổi định kỳ và số phải trả thuế cuối cùng còn tùy thuộc vào sự xem xét của cơ quan thuế.

**20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành được thực hiện như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	21.192.403.519	20.739.186.029
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	21.192.403.519	20.739.186.029

**(ii) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	27.892.014	27.892.014
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối kỳ	27.892.014	27.892.014

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Công ty không có cổ phiếu phổ thông có tác động suy giảm tiềm tàng.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

**21. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

**Xác định các bên liên quan**

Công ty có mối quan hệ giữa bên liên quan với công ty mẹ, Taya Taiwan Electric Wire and Cable Co., Ltd., các giám đốc và các nhân sự quản lý chủ chốt.

**Các giao dịch với các nhân sự quản lý chủ chốt**

Tổng tiền thưởng và phụ cấp công việc trả cho các nhân sự quản lý chủ chốt như sau:

	<b>Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND</b>	<b>Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND</b>
Ban Giám đốc	977.741.770	777.182.750
Hội đồng Quản trị	1.618.190.858	1.422.560.000
	<hr/>	<hr/>
	2.595.932.628	2.199.742.750

Trong kỳ còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND</b>	<b>Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND</b>
<b>Taya Taiwan Electric Wire &amp; Cable Co., Ltd</b>		
Mua nguyên vật liệu	348.354.982.337	558.938.763.465
Phí bản quyền	444.114.548	634.599.386

Theo hợp đồng về bản quyền sử dụng nhãn hiệu giữa Công ty và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd (công ty mẹ cấp cao nhất), Công ty có quyền sử dụng nhãn hiệu thuộc quyền sở hữu của Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. Bù lại, Công ty sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1% trên doanh thu thuần.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

**22. Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	3.580.503.539	3.019.923.451
Từ hai đến năm năm	14.323.373.944	12.327.175.363
Trên năm năm	82.624.284.277	70.348.390.717
	<hr/>	<hr/>
	100.528.161.760	85.695.489.531

Chi phí thuê hàng năm bao gồm ba khoản chính sau:

- Phí thuê đất cho trụ sở chính của Công ty ở tỉnh Đồng Nai, Việt Nam với phí thuê tối thiểu hàng năm là 2.286 triệu VND bao gồm thuế giá trị gia tăng và phí cơ sở hạ tầng hàng năm là 545 triệu VND cho 50 năm bắt đầu từ ngày 7 tháng 9 năm 1992. Phí thuê đất tăng tối đa 15% sau mỗi kỳ 5 năm.
- Phí thuê văn phòng hàng năm tại Thành phố Hồ Chí Minh là 624 triệu VND trong 10 năm kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2012.
- Phí thuê đất ở tại tỉnh Hải Dương là 124 triệu VND từ năm thứ 8 sau khi Chi nhánh bắt đầu hoạt động đến ngày 7 tháng 9 năm 2042.

**23. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	363.130.056.849	635.892.679.176
Chi phí nhân công trong chi phí sản xuất	21.648.490.336	18.477.684.527
Chi phí khấu hao và phân bổ	12.079.556.578	13.544.456.676
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.792.585.831	13.092.794.518
Các chi phí khác	6.360.726.193	11.390.255.746

## 24. Các công cụ tài chính

### (a) Quản lý rủi ro tài chính

#### Tổng quan

Công ty đã chịu những rủi ro sau đây từ việc sử dụng các công cụ tài chính của mình:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường

Thuyết minh này trình bày thông tin về trạng thái rủi ro của Công ty đối với mỗi loại rủi ro nói trên, mục tiêu, chính sách của Công ty, các quy trình xác định và quản lý rủi ro, và việc quản lý vốn của Công ty. Các trình bày mang tính định lượng khác cũng được bao gồm trong suốt báo cáo tài chính này.

Ban Giám đốc chịu toàn bộ trách nhiệm cho việc thiết lập và giám sát cơ cấu tổ chức quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách để xác định và phân tích những rủi ro mà Công ty gặp phải, nhằm thiết lập các hạn mức và kiểm soát rủi ro phù hợp, và để quản lý những rủi ro và việc tuân thủ hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được kiểm tra thường xuyên nhằm phân tích những biến động tình hình thị trường và hoạt động của Công ty. Thông qua các chuẩn mực và quy trình quản lý và đào tạo, Ban Giám đốc muốn phát triển một môi trường kiểm soát mang tính chất xây dựng và có kỷ luật trong đó mọi nhân viên đều hiểu vai trò và nghĩa vụ của mình.

### (b) Rủi ro tín dụng

Đây là rủi ro về lỗ tài chính của Công ty nếu khách hàng hoặc đối tác liên quan đến công cụ tài chính không thực hiện được các nghĩa vụ của hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ phải thu khách hàng và phải thu khác của Công ty.

#### *Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn*

Tiền và các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn của Công ty được gửi tại ngân hàng. Ban Giám đốc đánh giá tiền và các khoản tương đương tiền có mức rủi ro tín dụng thấp.

#### *Các khoản phải thu khách hàng*

Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)****Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN**

Công ty thiết lập dự phòng giảm giá phản ánh lỗ phát sinh ước tính đối với phải thu khách hàng. Các thành tố chính của khoản dự phòng này là các khoản lỗ cụ thể liên quan đến từng trường hợp riêng biệt có mức rủi ro cao.

Giá trị ghi sổ của tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng tại ngày lập báo cáo là:

	<b>Gộp 30/6/2012 VND</b>	<b>Dự phòng phải thu khó đòi 30/6/2012 VND</b>	<b>Gộp 31/12/2011 VND</b>	<b>Dự phòng phải thu khó đòi 31/12/2011 VND</b>
Trong hạn	28.902.430.323	-	19.412.551.647	-
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	66.959.137.578	-	84.822.770.176	-
Quá hạn từ 31 – 120 ngày	44.785.106.427	-	55.720.409.898	-
Quá hạn trên 121 ngày	10.282.042.512	1.409.906.460	5.505.786.035	898.869.920
	<b>150.929.716.840</b>	<b>1.409.906.460</b>	<b>165.461.517.756</b>	<b>898.869.920</b>

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	<b>Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND</b>	<b>Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND</b>
Số dư đầu kỳ	898.869.920	898.869.920
Tăng dự phòng trong kỳ	517.536.540	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(6.500.000)	-
Số dư cuối kỳ	<b>1.409.906.460</b>	<b>898.869.920</b>

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm**  
**2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Đây là rủi ro mà Công ty sẽ không có khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Chính sách của Công ty là quản lý thường xuyên các yếu cầu thanh khoản hiện tại và dự kiến để đảm bảo rằng Công ty vẫn duy trì lượng tiền và hạn mức quỹ cam kết từ ngân hàng để đáp ứng yêu cầu ngắn và dài hạn.

Sau đây là các thời điểm đáo hạn theo hợp đồng của các khoản nợ tài chính phải phải sinh, bao gồm các khoản chi trả lãi vay:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng chưa được chiết khấu VND	6 tháng hoặc ít hơn VND	6-12 tháng VND
<b>30/6/2012</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	121.023.266.334	121.023.267.331	121.023.267.331	-
Vay ngân hàng	197.535.724.269	201.239.495.751	159.989.002.143	41.250.493.608
	<b>318.558.990.603</b>	<b>322.262.763.082</b>	<b>281.012.269.474</b>	<b>41.250.493.608</b>
<b>31/12/2011</b>				
Phải trả người bán và phải trả khác	97.832.671.232	97.832.671.232	97.832.671.232	-
Vay ngân hàng	312.152.126.303	318.035.252.612	242.470.067.898	75.565.184.714
	<b>409.984.797.535</b>	<b>415.867.923.844</b>	<b>340.302.739.130</b>	<b>75.565.184.714</b>

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động giá thị trường như lãi suất và tỷ giá hối đoái sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị các công cụ tài chính do Công ty nắm giữ. Mục đích của quản lý rủi ro thị trường là để quản lý và kiểm soát trạng thái rủi ro thị trường trong những giới hạn có thể chấp nhận được, đồng thời tối đa hoá lợi nhuận.



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

***Rủi ro lãi suất***

Mức độ rủi ro lãi suất của Công ty liên quan đến các tài sản và nợ tài chính chịu lãi.

***Tài sản tài chính chịu lãi***

Tiền gửi thẻ chấp ngân hàng và tiền gửi có kỳ hạn đáo hạn sau 3 tháng không được giữ vì mục đích đầu cơ nhưng vì mục đích tiền lời cao hơn tiền gửi ngân hàng.

***Nợ phải trả tài chính chịu lãi***

Nợ phải trả tài chính chịu lãi bao gồm các khoản vay ngân hàng. Các khoản vay lãi suất thả nổi của Công ty có rủi ro biến động đồng tiền và các khoản vay lãi suất cố định có rủi ro biến động giá trị hợp lý do biến động lãi suất. Lãi suất và các điều khoản hoàn trả của các khoản vay chịu lãi từ ngân hàng của Công ty được trình bày trong thuyết minh số 9.

Công ty quản lý trạng thái rủi ro lãi suất thuần bằng cách duy trì hạn mức tín dụng để đạt được chi phí vay có thể chấp nhận được bằng cách theo dõi thường xuyên trạng thái rủi ro. Ban Giám đốc không thực hiện các nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro lãi suất do Ban Giám đốc xét thấy rằng chi phí của các công cụ này tốn kém hơn rủi ro tiềm tàng của biến động lãi suất.

Tại ngày lập báo cáo, danh mục lãi suất của các công cụ tài chính có phát sinh lãi của Công ty như sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
<b>Công cụ với lãi suất cố định</b>		
Tài sản tài chính	96.448.132.099	123.708.824.499
<b>Công cụ với lãi suất thả nổi</b>		
Nợ phải trả tài chính	197.535.724.269	312.152.126.303

***Đánh giá độ nhạy cảm giá trị hợp lý đối với công cụ lãi suất cố định***

Công ty không hạch toán bất kỳ tài sản và nợ phải trả tài chính nào theo giá trị hợp lý thông qua kết quả hoạt động kinh doanh và nguồn vốn. Do đó biến động lãi suất tại ngày lập báo cáo sẽ không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh và nguồn vốn.

***Đánh giá độ nhạy cảm dòng tiền đối với công cụ lãi suất thả nổi***

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản về lãi suất tại ngày lập báo cáo sẽ dẫn đến tăng/(giảm) vốn chủ sở hữu và kết quả hoạt động kinh doanh như trình bày dưới đây. Đánh giá này giả sử rằng tất cả các tham biến khác, cụ thể là tỷ giá hối đoái, không thay đổi.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**

Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

30/6/2012	Kết quả hoạt động kinh doanh		Vốn chủ sở hữu	
	Tăng 100bp VND	Giảm 100bp VND	Tăng 100bp VND	Giảm 100bp VND
Công cụ lãi suất thả nổi	(674.741.300)	674.741.300	(674.741.300)	674.741.300
Độ nhạy cảm của dòng tiền (thuần)	(674.741.300)	674.741.300	(674.741.300)	674.741.300

31/12/2011	Kết quả hoạt động kinh doanh		Vốn chủ sở hữu	
	Tăng 100bp VND	Giảm 100bp VND	Tăng 100bp VND	Giảm 100bp VND
Công cụ lãi suất thả nổi	(495.864.912)	495.864.912	(495.864.912)	495.864.912
Độ nhạy cảm của dòng tiền (thuần)	(495.864.912)	495.864.912	(495.864.912)	495.864.912

**(e) Rủi ro ngoại hối**

Công ty chịu rủi ro ngoại hối đối với các giao dịch bán, mua và vay bằng đơn vị tiền tệ khác VND. Loại tiền tệ dẫn đến rủi ro này chủ yếu là USD.

Công ty đảm bảo rằng trạng thái thuần của rủi ro này được giữ ở mức độ có thể chấp nhận bằng việc mua hoặc bán ngoại hối theo tỷ giá giao ngay khi cần thiết để giải quyết sự mất cân bằng tạm thời. Ban Giám đốc không thực hiện các nghiệp vụ phòng ngừa rủi ro ngoại tệ do Ban Giám đốc xét thấy rằng chi phí của các công cụ này lớn hơn rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

**Trạng thái rủi ro ngoại hối**

Trạng thái rủi ro ngoại hối của Công ty chủ yếu là USD với số dư tương đương VND như sau:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền gửi ngân hàng	1.078.989.365	2.996.847.851
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.694.349.758	36.428.971.979
Khoản vay chịu lãi	(187.075.724.269)	(312.152.126.303)
Phải trả người bán và phải trả khác	(111.240.228.953)	(76.840.727.519)
Trạng thái gộp trên bảng cân đối kế toán	(272.542.614.099)	(349.567.033.992)

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp Điện Taya (Việt Nam)**

**Thuyết minh báo cáo tài chính cho giai đoạn sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2012 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

Sau đây là tỷ giá hối đoái được Công ty áp dụng trong kỳ:

	30/6/2012 VND	31/12/2011 VND
USD	20.828	20.828

**Đánh giá độ nhạy cảm**

Sự yếu đi 5% của đồng VND đối với đồng USD vào thời điểm cuối kỳ có thể làm giảm khoản lợi nhuận như được trình bày dưới đây. Đánh giá này giả sử rằng tất cả các tham biến khác, cụ thể là lãi suất, không thay đổi.

	Từ 1/1/2012 đến 30/6/2012 VND	Từ 1/1/2011 đến 30/6/2011 VND
Kết quả hoạt động kinh doanh và vốn chủ sở hữu	(14.807.076.868)	(15.253.321.026)

Sự mạnh thêm 5% của đồng VND đối với tiền tệ nội trên có cùng mức tác động nhưng ngược chiều đối với khoản tiền trình bày ở trên, dựa trên cơ sở tất cả các tham biến khác không thay đổi.

**(f) Giá trị hợp lý**

Các phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để đánh giá giá trị hợp lý đối với mỗi loại công cụ tài chính:

*Tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, phải trả người bán và các khoản phải trả khác*

Giá trị ghi sổ gần bằng với giá trị hợp lý tương ứng do các công cụ này đáo hạn trong ngắn hạn.

**Các khoản vay ngân hàng**

Giá trị ghi sổ của các khoản vay xấp xỉ giá trị hợp lý dựa trên tỷ suất vay hiện tại của các khoản vay ngân hàng với các điều khoản và thời gian đáo hạn tương tự.

Người lập:  
  
Hung Chung Ming  
Kế toán trưởng

Người duyệt:  
  
  
Wang Ting Shu  
Tổng Giám đốc

ngày 14 tháng 8 năm 2012